

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 163/2024/DS-ST

Ngày: 01/8/2024

“*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải An.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Vĩnh Mai.

Ông Phạm Cẩm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Y Khang ÊBan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP P Việt Nam.

Địa chỉ: Số 194 đường K, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Hùng H – Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng KHCN 2 BIDV – Chi nhánh B (Có mặt).

Địa chỉ: Số 41 Nguyễn Tất Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T (Đều vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố x, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 25/10/2022, giữa Ngân hàng TMCP P Việt Nam với bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T có ký kết hợp đồng vay vốn theo hợp đồng cho vay số 01/2022/7394921/HDTD. Hợp đồng được ký kết tại Chi nhánh B với số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng; lãi suất tiền vay 10,5%/năm; mục đích bổ sung vốn kinh doanh cà phê. Bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Toyota biển số 47A – vcx.zv mang tên Kiều Thị B theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/7394921/HĐ BĐ ngày 19/01/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng đã giao kết, Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền 400.000.000 đồng. Đến hạn T toán, bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T không thực hiện đúng cam kết trả toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 21/11/2023, bà B và ông T còn nợ lại gốc là 398.747.566 đồng, lãi trong hạn là 7.479.865 đồng và lãi quá hạn là 3.282.661 đồng.

Vì vậy, nay Ngân hàng TMCP P Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T phải T toán các khoản nợ sau: Nợ gốc 398.747.566 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 54.719.009 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký từ ngày 02/8/2024 cho đến khi T toán hết khoản nợ. Trường hợp ông T và bà B không T toán được khoản vay thì tài sản đã thế chấp sẽ được xử lý để thu hồi khoản vay theo quy định của pháp luật.

***Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.***

***Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột đã phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung:***

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 220; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P Việt Nam tổng số tiền nợ gốc là: Nợ gốc 398.747.566 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 54.719.009 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký từ ngày 02/8/2024 cho đến khi T toán hết khoản nợ. Trường hợp ông T và bà B không T toán được khoản vay

thì tài sản đã thế chấp được xử lý để thu hồi khoản vay theo quy định của pháp luật.

- Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện là “Tranh chấp hợp đồng dân sự” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 25/10/2022, giữa Ngân hàng TMCP P Việt Nam với bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T có ký kết hợp đồng vay vốn theo hợp đồng cho vay số 01/2022/7394921/HDTD. Theo đó, các bên thỏa thuận vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng; lãi suất tiền vay 10,5%/năm; mục đích bổ sung vốn kinh doanh cà phê. Trong thời hạn vay, bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T đã T toán được 1.252.434 đồng tiền nợ gốc và 36.328.767 đồng tiền nợ lãi. Từ thời điểm hết hạn T toán ngày 25/9/2023 cho đến nay bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết. Căn cứ Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Hợp đồng tín dụng thì khoản vay của bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T đã chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 01/8/2024, bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T còn nợ lại của Ngân hàng số tiền nợ gốc là 398.747.566 đồng, tiền lãi là 54.719.009 đồng.

Mặt khác để đảm bảo khoản vay nêu trên, ông Vũ Văn T và bà Kiều Thị B đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Toyota biển số 47A – vcx.zv , được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025368 ngày 17/01/2017 mang tên Kiều Thị B theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/7394921/HĐ BĐ ngày 19/01/2017. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký số 1235498728 ngày 19/01/2017 của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Ông Vũ Văn T và bà Kiều Thị B không tham gia tố tụng, không cung cấp các tài liệu chứng cứ nào về việc vay vốn và T toán khoản vay.

Do vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 220, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P Việt Nam. Buộc bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T có nghĩa vụ T toán cho Ngân hàng TMCP P Việt Nam số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 54.719.009 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký từ ngày 02/8/2024 cho đến khi T toán hết khoản nợ.

Sau khi ông Vũ Văn T và bà Kiều Thị B thực hiện xong nghĩa vụ thì Ngân hàng TMCP P Việt Nam phải trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025368 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/01/2017 mang tên Kiều Thị B cho ông T và bà B.

Trường hợp ông Vũ Văn T và bà Kiều Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Toyota biển số 47A – vcx.zv , được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025368 ngày 17/01/2017 mang tên Kiều Thị B sẽ được xử lý để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kiều Thị B và ông Vũ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.188.760 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P Việt Nam số tiền 10.190.202 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005046 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hải An**